

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: NATRI CLORUA (NaCl)

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất: Natri Clorua (Sodium Chloride)
- Mã CAS: 7647-14-5
- Tên khác: Muối ăn, muối tinh khiết
- Sử dụng đã định: Hóa chất phòng thí nghiệm, xử lý nước, sản xuất thực phẩm, dược phẩm, công nghiệp
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:
Tên công ty: Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
Mã số thuế: 0314051291
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:
Không phân loại là hóa chất nguy hiểm theo GHS
- Từ cảnh báo: Không yêu cầu
- Câu cảnh báo nguy hiểm: Không áp dụng
- Câu phòng ngừa:
P264: Rửa tay kỹ sau khi xử lý hóa chất
P270: Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

- Tên thành phần: Natri Clorua (NaCl)
- Mã CAS: 7647-14-5
- Tỷ lệ: $\geq 96\%$
- Phân loại: Không phân loại nguy hại theo GHS

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải: Di chuyển nạn nhân đến nơi thoáng khí. Nếu cảm thấy không khỏe, tham khảo ý kiến bác sĩ
- Tiếp xúc da: Rửa sạch bằng nước và xà phòng
- Tiếp xúc mắt: Rửa bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút. Nếu kích ứng kéo dài, đến cơ sở y tế gần nhất
- Nuốt phải: Súc miệng với nước, uống nhiều nước. Không gây nôn nếu không có chỉ định y tế
- Triệu chứng: Có thể gây kích ứng nhẹ đối với da, mắt, đường tiêu hóa nếu tiếp xúc nhiều

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Phương tiện chữa cháy: Bột, CO₂, bột khô, nước (phun sương)
- Nguy cơ cháy nổ: Không dễ cháy; khi tiếp xúc với axit mạnh có thể sinh khí độc (Cl₂)
- Bảo hộ khi chữa cháy: Mặc thiết bị bảo hộ toàn thân và mặt nạ thở độc lập nếu có khói độc

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Biện pháp cá nhân: Tránh hít bụi. Mang đầy đủ thiết bị bảo hộ cá nhân
 - Biện pháp môi trường: Tránh để hóa chất xâm nhập vào cống rãnh, nguồn nước
 - Phương pháp làm sạch: Quét hoặc hút bụi, thu gom vào thùng chứa thích hợp. Tránh tạo bụi bay trong không khí
-

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Sử dụng an toàn: Tránh tạo bụi. Sử dụng trong khu vực thông gió tốt
 - Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ẩm và xa axit mạnh
 - Không tương thích: Axit mạnh, chất oxy hóa mạnh
-

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- Không có giới hạn phơi nhiễm cụ thể tại Việt Nam
 - Trang bị bảo hộ:
 - o Hô hấp: Mặt nạ lọc bụi nếu làm việc lâu dài hoặc nơi kém thông thoáng
 - o Tay: Găng tay bảo hộ (nitrile hoặc PVC)
 - o Mắt: Kính bảo hộ chống bụi
 - o Da: Quần áo bảo hộ phù hợp
-

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- Trạng thái: Tinh thể rắn hoặc dạng hạt
 - Màu sắc: Trắng
 - Mùi: Không mùi
 - Nhiệt độ nóng chảy: 801°C
 - Nhiệt độ sôi: 1413°C
 - Độ tan: Dễ tan trong nước (~359 g/L ở 20°C)
 - pH (dung dịch 5%): 6.7 – 7.3
-

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- Tính ổn định: Ổn định trong điều kiện thường
 - Điều kiện tránh: Độ ẩm cao
 - Chất không tương thích: Axit mạnh, chất oxy hóa mạnh
 - Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Có thể phát sinh khí Clo (Cl₂) nếu phản ứng với axit
-

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- LD50 (chuột, đường uống): 3000 mg/kg
 - Tác động: Có thể gây kích ứng mắt, da hoặc đường tiêu hóa khi tiếp xúc nhiều hoặc lâu dài
 - Mức độ độc cấp thấp trong điều kiện sử dụng thông thường
-

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- Độc tính sinh học: Không độc hại ở nồng độ thấp đối với sinh vật nước
- Khả năng phân hủy: Không phân hủy sinh học (muối vô cơ)

- Tích lũy sinh học: Không đáng kể
 - Ảnh hưởng môi trường: Có thể gây hại đến sinh vật thủy sinh nếu nồng độ cao
-

MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- Xử lý chất thải: Thu gom, xử lý theo quy định địa phương về chất thải thông thường hoặc không nguy hại
 - Xử lý bao bì: Rửa sạch và tái chế nếu có thể, hoặc xử lý như chất thải công nghiệp không nguy hại
-

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- UN Number: Không áp dụng
 - Nhóm bao gói: Không áp dụng
 - Phân loại nguy hiểm: Không phân loại là hàng nguy hiểm theo quy định vận chuyển quốc tế
 - Biện pháp vận chuyển: Vận chuyển khô ráo, tránh tiếp xúc ẩm, không xếp gần axit
-

MỤC 15: THÔNG TIN PHÁP LÝ

- Phân loại theo GHS Việt Nam: Không phân loại nguy hại
 - Danh mục quản lý: Không thuộc danh mục hạn chế hoặc kiểm soát đặc biệt tại Việt Nam (tính đến thời điểm 2025)
-

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- Tài liệu tham khảo: GHS, TCVN 9487:2012, PubChem, ECHA
- Ngày phát hành SDS: 04/07/2025
- **Ghi chú:**
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế